

Phụ lục IV
DIỆN TÍCH CÀN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				TT Thới Bình	Xã Biền Bạch	Xã Biền Bạch Đông	Xã Hồ Thị Kỷ	Xã Tân Bằng	Xã Tân Lộc Bắc	Xã Tân Lộc	Xã Tân Lộc Đông	Xã Tân Phú	Xã Thới Bình	Xã Trí Lực	Xã Trí Phải
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	845,40	76,96	23,33	21,63	254,09	27,37	22,94	33,84	23,52	24,11	226,87	9,18	101,56
	Trong đó:														
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	215,46	27,48	3,87	3,03	20,83	8,70	2,51	9,25	0,55	9,50	94,44	1,09	34,21
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	10,16		0,03	1,65	0,06	3,20					0,10	2,82	2,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	211,94	7,99	19,43	16,76	23,08	11,62	20,43	21,19	10,68	12,17	20,03	5,27	43,30
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	407,84	41,49		0,20	210,12	3,85		3,40	12,30	2,44	112,29		21,75
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		3.032,47	777,55	43,05	17,88	1.453,82	14,40	7,48	8,95	417,85		194,88	51,88	44,73
	Trong đó:														
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NKR	2.918,41	777,55	18,05	7,88	1.447,15	10,16	7,48	3,95	417,85		189,88	8,73	29,73
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập	MHT/CNT	2,50				1,67	0,15					0,68		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				TT Thới Bình	Xã Biển Bạch	Xã Biển Bạch Đông	Xã Hồ Thị Kỷ	Xã Tân Bông	Xã Tân Lộc Bắc	Xã Tân Lộc	Xã Tân Lộc Đông	Xã Tân Phú	Xã Thới Bình	Xã Trí Lực	Xã Trí Phải
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn														
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		62,23	6,26	3,62	2,28	23,33	2,28	2,75	2,55	3,00	2,58	5,48	2,21	5,90
	Trong đó:														
4.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	2,61	2,44					0,17						

Ghi chú: - NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;
 - PNN là mã loại đất theo quy hoạch;
 - MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.